

Bản án số: **39/2017/HNGĐ - ST**

Ngày 18/7/2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phước

Bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST - HNGĐ ngày 20/02/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST - HNGĐ ngày 19/6/2017 và thông báo mở lại phiên tòa số 71/TB - TA ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm: 1967;

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang D** - sinh năm: 1968;

Cùng địa chỉ: Số 393/31 đường N, tổ 77, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

(Bà N có mặt, ông D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 10/02/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang D kết hôn với bà Nguyễn Thị N vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận II, thành phố Đà

Năng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà số 393/31 đường N. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà N xác định do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác đã có con riêng, khi về nhà thường xuyên gây gổ với bà N. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Quang D.

- Về con chung: Bà N xác định ông bà có 03 (ba) con chung là: Nguyễn Quang L - sinh ngày 07/3/1990, Nguyễn Thị Hoàng Y - sinh ngày 04/12/1992 và Nguyễn Thị Gia H - sinh ngày 04/4/2010. Ly hôn, nguyện vọng của bà N là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Gia H, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với con chung Nguyễn Quang L và Nguyễn Thị Hoàng Y đã thành niên nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có.

** Ông Nguyễn Quang D không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Quang D lần thứ 2, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận II, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp

luật công nhận và bảo vệ. Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà N xác định do tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên không còn quan tâm đến gia đình, về nhà thường xuyên gây gỗ với bà N. Tại phiên tòa bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương và xin ly hôn.

HĐXX xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Quang D vẫn không tham gia, không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày là có thật, vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, có xảy ra xô xát. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông bà không còn chăm sóc, quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần vận dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà N xác định ông bà có 03 con chung là Nguyễn Quang L - sinh ngày 07/3/1990, Nguyễn Thị Hoàng Y - sinh ngày 04/12/1992 và Nguyễn Thị Gia H - sinh ngày 04/4/2010. Ly hôn, nguyện vọng của bà N là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Gia H, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với con chung Nguyễn Quang L và Nguyễn Thị Hoàng Y đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Tại phiên tòa, bà N xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con. Hiện nay cháu H đang ở độ tuổi rất cần quan tâm, dạy dỗ của người mẹ nên nghĩ giao cháu Nguyễn Thị Gia H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình cũng như nguyện vọng của cháu H.

[4] Về tài sản chung: Bà N xác định tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Án phí HNGĐ - ST: Bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Quang D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Quang D.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Nguyễn Quang D.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao con chung Nguyễn Thị Gia H - sinh ngày 04/4/2010 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Quang D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, giao tiền cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 8/2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Các quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Nguyễn Quang L và Nguyễn Thị Hoàng Y đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

Đến thời hạn cấp dưỡng, nếu ông Nguyễn Quang D không cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. *Về tài sản chung:* Bà N xác định tự thỏa thuận nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Bà N xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Án phí HNGĐ - ST: 300.000đ: Bà Nguyễn Thị N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp theo biên lai thu số 3078 ngày 20/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 300.000đ ông Nguyễn Quang D phải chịu.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông Nguyễn Quang D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bảo Huyền Trân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa